ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1218/QĐ-UBND	*Yên Bái, ngày 25 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 79/TTr-SNN ngày 06 tháng 6 năm 2022; Báo cáo giải trình tại Văn bản số 272/SNN-VPĐP ngày 18 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025 *(nội dung chi tiết tại phụ lục kèm theo).*

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Các sở, ngành được giao hướng dẫn, đánh giá các tiêu chí:

a) Các sở, ngành liên quan căn cứ chức năng quản lý nhà nước ban hành hướng dẫn thực hiện đối với các tiêu chí, chỉ tiêu huyện nông thôn mới nâng cao tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025 trong thời gian 20 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định này.

b) Trong quá trình đôn đốc, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu huyện nông thôn mới nâng cao tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025, nếu có vấn đề mới phát sinh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan kịp thời nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí nêu trên, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *(Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh):*

a) Tổng hợp, đôn đốc các sở, ngành phụ trách tiêu chí xây dựng hướng dẫn thực hiện theo Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025.

b) Phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu của các địa phương xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao.

c) Hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố trong công tác thẩm tra và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm tra và đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao hằng năm theo đúng quy định của trung ương và của tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ hướng dẫn của các sở, ngành tiến hành rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu của cấp huyện trên địa bàn theo Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ và các Đoàn thể tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Yên Bái;
- Trung tâm điều hành thông minh;
- Chánh, Phó CVP (NLN) UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Trần Huy Tuấn

Phụ lục:

BỘ TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TỈNH YÊN BÁI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 1218 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Là huyện đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025).

2. Có ít nhất 50% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025).

3. Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của huyện đạt từ 95% trở lên (trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới nâng cao đạt từ 85% trở lên).

4. Đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
1	Quy hoạch (*)	1.1. Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn	Đạt khi đảm bảo: Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn huyện được phê duyệt; Công bố công khai quy hoạch chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn huyện đúng thời hạn (Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quy hoạch xây dựng được phê duyệt)	Sở Xây dựng
		1.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt	Đạt khi đảm bảo: Các công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng phù hợp và đạt yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa	Đạt	Sở Giao thông vận tải
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,…), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh	100%	
		2.3. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên	Đạt	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuyển đổi số	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
		3.2. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện	Đạt	
		3.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	
4	Điện	Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan	Đạt	Sở Công Thương
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥95%	Sở Y tế
		5.2. Có công viên hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao (*)	100%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		Tỷ lệ các công viên hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể thao ngoài trời và phải đảm bảo các điều kiện sinh hoạt, tập luyện thể dục thể thao, vui chơi, giải trí cho người dân trong huyện		
		5.3. Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả (*)		
		- Hoàn thành việc kiểm kê 100% di sản văn hóa trên địa bàn	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	- 80% lễ hội truyền thống trên địa bàn được tổ chức hằng năm	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		- 50% di tích được xếp hạng trên địa bàn được tu bổ, tôn tạo	Đạt	
		- Tổ chức các lớp truyền dạy về di sản văn hóa phi vật thể của địa phương	04 lớp/năm	
		- Bố trí cơ quan, đơn vị, tập thể, cá nhân trông coi, gìn giữ di tích.	Đạt	
		- Tại thời điểm xét công nhận huyện nông thôn mới nâng cao trên địa bàn không để xảy ra các hoạt động khiếu nại, khiếu kiện về di sản văn hóa; không vi phạm trong hoạt động trùng tu, tôn tạo di tích.	Đạt	
		5.4. Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 2	
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ	Đạt	Sở Công Thương
		6.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
		6.3. Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2 hoặc trung tâm thương mại đạt chuẩn theo quy định	Đạt	Sở Công Thương
		6.4. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
		6.5. Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
7	Môi trường	7.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định	≥95%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
7	Môi trường	7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	Sở Nông nghiệp và PTNT
		7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥70%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp	≥50%	
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥4m^2/người	Sở Nông nghiệp và PTNT
		7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥85%	
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
		8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥80 lít	
		8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥40%	
		8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường	≥01 mô hình	Sở Tài nguyên và Môi trường
		8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	
		8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Sở Nông nghiệp và PTNT
		8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	100%	
		8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện	Không	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu đánh giá	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
8	Chất lượng môi trường sống	8.9. Có mô hình xã, thôn thông minh (*)	1. Mô hình xã thông minh		
			1.1. Có bộ phận điều hành thông minh (IOC), kênh tương tác, giao tiếp giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp trên địa bàn xã	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
			1.2. 100% hộ gia đình trên địa bàn xã được tiếp cận và sử dụng các nền tảng, dịch vụ tư vấn, chăm sóc sức khoẻ trực tuyến (online)	Đạt	
			1.3. Xã có đài truyền thanh cơ sở và 100% thôn, bản có hệ thống loa truyền thanh ứng dụng CNTT-VT	Đạt	
			1.4. Có mạng wifi miễn phí tốc độ tối thiểu 100Mbps ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nhà văn hoá xã, điểm du lịch cộng đồng…)	Đạt	
			1.5. 100% Các hộ gia đình, cơ quan, tổ chức trên địa bàn xã được gắn mã địa chỉ trên nền tảng bản đồ số Vpostcode	Đạt	
			2. Mô hình thôn, bản thông minh		
			2.1. Có mạng wifi miễn phí tốc độ tối thiểu 80Mbps (Khu vực trung tâm thôn, bản; nhà văn hoá thôn, bản…)	Đạt	
			2.2. 100% các hộ gia đình, cơ quan, tổ chức trên địa bàn thôn được gắn mã địa chỉ trên nền tảng bản đồ số	Đạt	
			2.3. Thôn có hệ thống loa truyền thanh ứng dụng CNTT - VT	Đạt	
			2.4. 100% hộ gia đình trên địa bàn thôn, bản được tiếp cận và sử dụng các nền tảng, dịch vụ tư vấn, chăm sóc sức khoẻ trực tuyến (online)	Đạt	
9	An ninh, trật tự - Hành chính công	9.1. An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao		Đạt	Công an tỉnh
		9.2. Có dịch vụ công trực tuyến		Mức độ 4	Văn phòng UBND tỉnh

Ghi chú: (*) Các tiêu chí, chỉ tiêu do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.